| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ T**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02 – 6– 2020.
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng.

2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1) Nguyên đơn: Bà Võ Thị Bích T, sinh năm 1994; HKTT: ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2) Bị đơn: Ông Võ Minh H, sinh năm 1991; HKTT: Khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2019, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Bích T trình bày:*

Bà T và ông Võ Minh H quen biết nhau từ năm 2013, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05/2013, quyển số 01/2012 ngày 11/01/2013.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một năm kể từ khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Ông H không lo kinh tế gia đình, không cùng bà T chăm con, không có trách nhiệm với con

chung, đồng thời đôi lúc ông H có những lời lẽ không hay xúc phạm đến bà T, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Bà T đã nói chuyện với ông H vài lần nhưng ông H không nghe, không có sự thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Do không thể chung sống với ông H được nữa nên bà T đã sống riêng với ông H từ năm 2015 đến nay. Hiện tại bà T và ông H không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không lo lắng cho nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng bà T không được chính quyền địa phương hay khu phố nơi bà T, ông H cư trú hòa giải vì bà T, ông H không yêu cầu.

Bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H, cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, đời sống chung của bà T và ông Võ Minh H không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Võ Minh H. Bà T không đồng ý quay về chung sống đoàn tụ với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông H có một người con chung tên Võ Thị Minh T, sinh ngày 19/12/2013. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tài liệu, chứng cứ về nhân thân, nơi cư trú của bà T, ông H, Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2013, quyển số 01/2012 ngày 11/01/2013, giấy khai sinh con.

*Quá trình tố tụng, bị đơn ông Võ Minh H đã được tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Đến ngày 28/5/2020, ông H cung cấp bản trình bày ý kiến và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.*

*Theo bản trình bày ý kiến ngày 28/5/2020 ông Võ Minh H trình bày:*

Ông H và bà T quen biết nhau từ năm 2013, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05/2013, quyển số 01/2012 ngày 11/01/2013.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau một năm kể từ khi kết hôn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn nhiều nên ông H và bà T sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Hiện tại ông H và bà T không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không lo lắng cho nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng không được chính quyền địa phương hay khu phố nơi cư trú hòa giải vì ông H và bà T không yêu cầu. Ông H xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà T nên đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Về hôn nhân: Ông H đồng ý ly hôn với bà Võ Thị Bích T.

Về con chung: Ông H đồng ý giao cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Võ Thị Minh T, sinh ngày 19/12/2013. Ông H không cấp dưỡng nuôi con. Mỗi khi về thăm con ông H sẽ tự chu cấp cho con trong khả năng tài chính của ông H.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bị đơn không có ý kiến trình bày nào khác. Bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu ly hôn, ông H đồng ý, con chung, tài sản chung và nợ chung ông H thống nhất với yêu cầu của bà T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bích T và ông Võ Minh H chung sống với nhau từ năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05/2013, quyển số 01/2012 ngày 11/01/2013 nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Bà T và ông H đều xác định trong cuộc sống hôn nhân có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặt khác, bà T cho rằng ông H không lo kinh tế gia đình, không cùng bà T chăm con, không có trách nhiệm với con chung, đồng thời đôi lúc ông H có những lời lẽ không hay xúc phạm đến bà T, do đó vợ chồng bà T không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Ông H và bà T đã nói chuyện với nhau nhiều lần nhưng cả hai không hàn gắn được tình cảm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, cả hai đã sống riêng từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm, chăm lo đến cuộc sống của nhau nữa.

Xét thấy, hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, mâu thuẫn giữa bà T

và ông H đã kéo dài. Cả bà T và ông H đều xác định đã không còn sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm gì tới cuộc sống của nhau. Bà T xác định tình cảm vợ chồng với ông H không còn, đời sống chung không có hạnh phúc. Ông H cũng xác định tình cảm với bà T không còn, không đồng ý quay về chung sống với bà T, đồng ý ly hôn với bà T.

Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng bà T và ông H đã trầm trọng, tiếp tục đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông H có 01 người con chung tên Võ Thị Minh T, sinh ngày 19/12/2013. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H đồng ý để bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ông H không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung tên Võ Thị Minh T cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T cần tạo điều kiện tốt nhất để ông H thăm nom con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không cấp dưỡng nuôi con. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Bích T.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị Bích T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Bích T đối với bị đơn ông Võ Minh H về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bích T được ly hôn với ông Võ Minh H.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Thị Minh T, sinh ngày 19/12/2013 cho bà Võ Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Bích T về việc không yêu cầu ông Võ Minh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046012 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) T tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- UBND xã H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, (Giấy chứng nhận kết hôn số 05/2013, quyển số 01/2012 ngày 11/01/2013).
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Ánh**